TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **115/**2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: ***/2024/TLST-HNGĐ ngày *** tháng *** năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm ĐT, sinh năm 198*

Căn cước công dân số: 030084037*** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày ***/2024,

Nơi thường trú: M, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 198*

Căn cước công dân số 03018400*** do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày ***/2022,

Nơi thường trú: M, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 03 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm ĐT và chị Nguyễn Thị K cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Phạm ĐT và chị Nguyễn Thị K xác nhận có 02 con chung là cháu Phạm NL, sinh ngày **/11/2009 và cháu Phạm Đình NM, sinh ngày **/112012. Anh, chị thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu cháu Phạm NL cho mẹ là chị Nguyễn Thị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cháu Phạm Đình NM cho bố là anh Phạm ĐT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Phạm ĐT và chị Nguyễn Thị K không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Phạm ĐT và chị Nguyễn Thị K có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Anh Phạm ĐT và chị Nguyễn Thị K không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Anh Phạm ĐT và chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

2. Về lệ phí: Anh Phạm ĐT và chị Nguyễn Thị K mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0012*** ngày ***/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thẩm phán

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Thu Hường